

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định (EC) số 1907/2006

Phiên bản 8.10

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất

18.08.2025

Ngày in 21.08.2025

MSDS CHUNG CHO KHỐI EU- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU CỤ THỂ CHO TỪNG QUỐC GIA- KHÔNG CÓ DỮ LIỆU OEL

## Phần 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

## 1.1 Nhận dạng của sản phẩm

|              |   |                                                                                                       |
|--------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên sản phẩm | : | COD Cell Test for photometers of other manufacturers Method: photometric 0 - 15000 mg/l Spectroquant® |
| Số sản phẩm  | : | 1.18753                                                                                               |
| Số Danh Mục  | : | 118753                                                                                                |
| Nhãn hiệu    | : | Millipore                                                                                             |
| REACH số     | : | Sản phẩm này là một hỗn hợp. Số Đăng Ký REACH xem chương 3.                                           |

## 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

|                                            |   |                                                           |
|--------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------|
| Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo | : | Nghiên cứu khoa học và phát triển, Thuốc thử để phân tích |
|--------------------------------------------|---|-----------------------------------------------------------|

## 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

|                |   |                                                                                                               |
|----------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Công ty        | : | Cty TNHH Merck Việt Nam<br>Lầu 9, CentrePoint<br>106 NGUYỄN VĂN TRỖI, Q. PHÚ NHUẬN, TP. HCM 740000<br>VIETNAM |
| Địa chỉ e-mail | : | technicalservice@merckgroup.com                                                                               |

## 1.4 Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

|                        |   |                                                                    |
|------------------------|---|--------------------------------------------------------------------|
| Số Điện thoại Khẩn cấp | : | ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117 *<br>CHEMTREC: +(84)-444581771 |
|------------------------|---|--------------------------------------------------------------------|



Đây là bản SDS tóm tắt cho bộ kit. Để xem chi tiết SDS cho từng thành phần được đề cập trong mục 16, hãy tham khảo thông tin trên trang web của chúng tôi.

## Phần 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

### 2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

|                                                                   |                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| Ăn mòn Kim loại, (Cấp 1)                                          | H290: Có thể ăn mòn kim loại.                                                          |
| Độc cấp tính, (Cấp 4)                                             | H312: Có hại khi tiếp xúc với da.                                                      |
| Ăn mòn da, (Phân hạng 1A)                                         | H314: Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.                                            |
| Gây tổn thương nặng cho mắt, (Cấp 1)                              | H318: Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.                                                 |
| Đột biến tế bào mầm (tế bào gen), (Cấp 1B)                        | H340: Có thể gây ra các khuyết tật di truyền.                                          |
| Tác nhân gây ung thư, (Cấp 1B)                                    | H350: Có thể gây ung thư.                                                              |
| Độc tính sinh sản, (Cấp 1B)                                       | H360FD: Có thể có hại đến khả năng sinh sản.<br>Có thể có hại đến trẻ chưa sinh.       |
| Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại, (Cấp 2), Thận | H373: Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. |
| Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh, (Cấp 1)           | H400: Rất độc đối với sinh vật thủy sinh.                                              |
| Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh, (Cấp 1)           | H410: Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.                        |

### 2.2 Các yếu tố nhãn

#### Ghi nhãn theo quy định (EC) No 1272/2008

Chữ tượng hình



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H290

Có thể ăn mòn kim loại.

H312

Có hại khi tiếp xúc với da.



|                            |                                                                                                                                                                |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| H314                       | Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.                                                                                                                          |
| H340                       | Có thể gây ra các khuyết tật di truyền.                                                                                                                        |
| H350                       | Có thể gây ung thư.                                                                                                                                            |
| H360FD                     | Có thể có hại đến khả năng sinh sản. Có thể có hại đến trẻ chưa sinh.                                                                                          |
| H373                       | Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.                                                                        |
| H410                       | Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.                                                                                                      |
| Các lưu ý phòng ngừa       |                                                                                                                                                                |
| P202                       | Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.                                                |
| P273                       | Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.                                                                                                                    |
| P280                       | Mặc/ đeo găng tay chống mòn rách/ quần áo bảo hộ/ kính bảo vệ mắt/ mặt nạ.                                                                                     |
| P303 + P361 + P353         | NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.                                                                |
| P304 + P340 + P310         | NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn. |
| P305 + P351 + P338         | NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.                                    |
| Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung | không có gì                                                                                                                                                    |

#### Nhãn dán loại nhỏ (<= 125 ml)

Chữ tượng hình



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

|        |                                                                       |
|--------|-----------------------------------------------------------------------|
| H340   | Có thể gây ra các khuyết tật di truyền.                               |
| H350   | Có thể gây ung thư.                                                   |
| H314   | Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.                                 |
| H360FD | Có thể có hại đến khả năng sinh sản. Có thể có hại đến trẻ chưa sinh. |

Các lưu ý phòng ngừa

|                    |                                                                                                                 |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| P202               | Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ. |
| P280               | Mặc/ đeo găng tay chống mòn rách/ quần áo bảo hộ/ kính bảo vệ mắt/ mặt nạ.                                      |
| P303 + P361 + P353 | NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm                                             |



|                    |                                                                                                                                                                                               |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| P304 + P340 + P310 | bắn. Rửa sạch da bằng nước.<br>NẾU HÍT PHẢI: Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở. Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC hoặc bác sỹ và xin tư vấn. |
| P305 + P351 + P338 | NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và để thực hiện. Tiếp tục rửa.                                                                   |

Các Bản kê Nguy cơ Bổ sung không có gì

### 2.3 Các nguy cơ khác

Chất/hỗn hợp này không chứa các thành phần được xem là bền, tích lũy sinh học và độc hại (PBT), hoặc rất bền và tích lũy sinh học cao (vPvB) ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Thông tin sinh thái học:

Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

Thông tin độc học:

Chất/hỗn hợp này không chứa thành phần có các đặc tính gây rối loạn nội tiết theo Điều 57 (f) REACH hoặc theo Quy định Ủy quyền của Ủy ban Châu Âu (EU) 2017/2100 hoặc Quy định của Ủy ban Châu Âu (EU) 2018/605 ở mức 0,1% hoặc cao hơn.

---

### Phần 3: Thông tin về thành phần các chất

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

### Phần 4: Biện pháp sơ cứu về y tế

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

### Phần 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

### Phần 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Tham khảo các thành phần trong SDS.



---

## Phần 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### 7.1 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

#### Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Làm việc có mũ bảo hộ. Không hít chất/hỗn hợp. Tránh tạo ra hơi/thuốc xịt.

#### Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

Tra cứu các biện pháp phòng ngừa trong phần 2.2.

### 7.2 Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

#### Điều kiện lưu trữ

Không dùng bình chứa kim loại.

Được bảo vệ tránh ánh sáng. Đóng chặt. Để tại nơi thông gió tốt. Để trong khu vực được khoá kín hoặc ở nơi chỉ có người có thẩm quyền hoặc đủ tiêu chuẩn mới được vào.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

#### Lớp cất giữ

Lớp lưu trữ của Đức (TRGS 510): 6.1D: Các chất nguy hiểm không cháy, độc cấp tính loại 3/độc hoặc các chất nguy hiểm gây phản ứng mãn tính

### 7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các mục đích sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không có cách sử dụng cụ thể nào khác được quy định

---

## Phần 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

## Phần 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

## Phần 10: Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Tham khảo các thành phần trong SDS.



---

## Phần 11: Thông tin về độc tính

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

## Phần 12: Thông tin về sinh thái

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

## Phần 13: Thông tin về thải bỏ

Tham khảo các thành phần trong SDS.

---

## Phần 14: Thông tin khi vận chuyển

### 14.1 Số hiệu UN

ADR/RID: 3316

IMDG: 3316

IATA: 3316

### 14.2 Tên vận chuyển đường biển

ADR/RID: CHEMICAL KIT

IMDG: CHEMICAL KIT

IATA: Chemical kit

### 14.3 (Các) nhóm nguy cơ về vận chuyển

ADR/RID: 9

IMDG: 9

IATA: 9

### 14.4 Nhóm hàng

ADR/RID: II

IMDG: II

IATA: II

### 14.5 Các nguy cơ ảnh hưởng môi trường

ADR/RID: không

IMDG Chất ô nhiễm đại dương: IATA: không  
không

### 14.6 Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Thông tin khác : chưa có dữ liệu

### 14.7 Vận tải hàng hải hàng rời theo các văn bản của IMO

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.



---

## Phần 15: Thông tin về pháp luật

### 15.1 Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất

Tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật an toàn, sức khỏe và môi trường theo:

- Luật hóa chất ngày 21/11/2007
- Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
- Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm
- Thông tư 19/2024/TT-BCT ngày 10/10/2024 của Bộ Công Thương ban hành sửa đổi 1:2024 QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất nguy hiểm
- Nghị định số 33/2024/NĐ-CP ngày 27/03/2024 của Chính phủ quy định việc thực hiện Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học (nếu có áp dụng)
- Hóa chất phải lập, chuyển giao phiếu kiểm soát mua bán hóa chất độc và lập sổ theo dõi kinh doanh tiền chất công nghiệp (nếu có áp dụng)
- Và các quy định của pháp luật có liên quan.

### 15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, việc đánh giá an toàn hóa chất đã không được thực hiện

---

## Phần 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất

### Thành phần kit:

|     |           |        |                                  |
|-----|-----------|--------|----------------------------------|
| COD | Millipore | 218098 | Met. Corr. 1; Acute Tox. 4; Skin |
|-----|-----------|--------|----------------------------------|

Millipore- 1.18753

Trang 7 của 11

The life science business of Merck operates as MilliporeSigma in the US and Canada



Corr. 1A; Eye Dam. 1; Muta. 1B;  
Carc. 1B; Repr. 1B; STOT RE 2;  
Aquatic Acute 1; Aquatic Chronic 1;  
H290, H312, H314, H340, H350,  
H360FD, H373, H410

### **Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác**

ADN - Hiệp định châu Âu về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường thủy Nội địa; ADR - Hiệp định về việc Vận chuyển Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường bộ; AIIIC - Tồn kho hóa chất công nghiệp Úc; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng sống; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; GHS - Hệ thống hài hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; RID - Quy định về Vận tải Quốc tế Hàng hóa Nguy hiểm bằng Đường sắt; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy

### **Thông tin khác**

Các thông tin trên được cho là chính xác nhưng không có nghĩa là bao gồm tất cả và chỉ được sử dụng như một hướng dẫn. Thông tin trong tài liệu này dựa trên hiểu biết hiện tại chúng tôi và được áp dụng cho sản phẩm về các biện pháp phòng ngừa an toàn thích hợp. Thông tin này không phải là bảo





đảm bảo các đặc tính của sản phẩm. Sigma-Aldrich Corporation và các Chi nhánh sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào do quá trình xử lý hoặc do tiếp xúc với sản phẩm trên. Xem [www.sigma-aldrich.com](http://www.sigma-aldrich.com) và/hoặc mặt sau của hóa đơn hoặc phiếu giao hàng để biết thêm các điều khoản và điều kiện bán hàng.

Bản quyền 2025 của Sigma-Aldrich Co. LLC. Giấy phép được cấp để tạo nhiều bản sao bằng giấy cho mục đích sử dụng nội bộ.

Cách xây dựng thương hiệu ở đầu trang hoặc cuối trang của tài liệu này có thể tạm thời không phù hợp trực quan với sản phẩm được mua khi chúng tôi chuyển đổi thương hiệu của mình. Tuy nhiên, tất cả thông tin trong tài liệu liên quan đến sản phẩm vẫn không thay đổi và phù hợp với sản phẩm được đặt hàng. Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ [mlsbranding@sial.com](mailto:mlsbranding@sial.com).



## Thành phần kit:

| COD                |                                                                                   |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                       |
|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| Định dạng sản phẩm | Chữ tượng hình                                                                    | Từ cảnh báo | Cảnh báo nguy hiểm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Các lưu ý phòng ngừa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Các thông tin bổ sung |
| Millipore - 218098 |  | Nguy hiểm   | <p>Có thể ăn mòn kim loại.</p> <p>Có hại khi tiếp xúc với da.</p> <p>Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.</p> <p>Có thể gây ra các khuyết tật di truyền.</p> <p>Có thể gây ung thư.</p> <p>Có thể có hại đến khả năng sinh sản.</p> <p>Có thể có hại đến trẻ chưa sinh.</p> <p>Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Thận) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.</p> <p>Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.</p> | <p>Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ. <b>NẾU DÍNH VÀO DA</b> (hoặc tóc): Cởi bỏ ngay tất cả các quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước.</p> <p>Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. <b>NẾU HÍT PHẢI:</b> Di chuyển nạn nhân tới chỗ không khí thoáng mát và thoải mái để thở.</p> <p>Nhanh chóng gọi đến <b>TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC</b> hoặc bác sỹ và xin tư vấn.</p> <p>Mặc/ đeo găng tay chống mòn rách/ quần áo bảo hộ/ kính bảo vệ mắt/</p> |                       |



|  |  |  |  |                                                                                                                                                   |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|  |  |  |  | <p>mặt nạ. NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT:</p> <p>Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.</p> |  |
|--|--|--|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|

